| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 217/2024/DS-PT
Ngày: 21-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Dũng

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Minh Đạt

Ông Tôn Văn Thông

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2023/DS – ST ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 523/2024/QĐ – PT ngày 06 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Hoàng M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Quang H, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phan Hữu L, sinh năm 1973;

2.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Chị Lê Thụy Cẩm T1, sinh năm 1997. Địa chỉ: số nhà G, ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có yêu cầu giải quyết

vắng mặt).

3. Người kháng cáo: bị đơn ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Đặng Hoàng M trình bày:*

Do quen biết trong quan hệ làm ăn nên trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2022 ông có cho ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị T vay tổng số tiền 1.100.000.000 đồng, mục đích để làm ăn, lãi suất thỏa thuận theo quy định. Cụ thể, gồm 04 lần vay:

Lần 1: ngày 28/7/2020 vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày vay tiền.

Lần 2: ngày 01/9/2020 vay 100.000.000 đồng, thời gian trả tiền là chuyến tàu tải đầu tiên năm 2021 (khoảng tháng 02/2021).

Lần 3: ngày 07/01/2021 vay 100.000.000 đồng, thời gian trả tiền là chuyến tàu tải đầu tiên năm 2021 (khoảng tháng 02/2021).

Lần 4: ngày 24/5/2022 vay 400.000.000 đồng, thoả thuận khi nào ông có nhu cầu thì phía ông L trả lại tiền (tháng 8/2022).

Các lần vay đều được lập thành văn bản gồm giấy cho mượn tiền ngày 28/7/2020, biên nhận ngày 07/01/2021, biên nhận ngày 24/5/2022 có chữ ký của ông L và bà T. Đến thời hạn thanh toán, ông nhiều lần yêu cầu ông L và bà T thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng ông bà chỉ hứa hẹn mà không trả nợ nên ông yêu cầu ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 01/02/2021 đến khi giải quyết xong vụ án.

*Quá trình tố tụng, bị đơn ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Ông bà thừa nhận có vay tiền của ông Đặng Hoàng M và ký tên vào các giấy nhận nợ ngày 28/7/2020, 07/01/2021, 24/5/2022, hiện còn nợ ông M số tiền vốn vay 1.100.000.000 đồng. Ông bà đã trả tiền lãi cho ông M đến tháng 02/2023 nên chỉ đồng ý liên đới trả tiền vốn vay cho ông M, không đồng ý trả tiền lãi; tuy nhiên ông bà cần có thời gian để bán tài sản trả nợ, trường hợp chưa bán được tài sản thì ông bà sẽ tiếp tục trả lãi cho ông M.

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn có văn bản trình bày: ông M cho bị đơn vay tiền với lãi suất vượt quá mức lãi suất cho vay theo quy định pháp luật (1,67%/tháng). Cụ thể:

- Biên nhận vay tiền ngày 28/7/2020, vay 500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, bị đơn đã trả lãi từ tháng 7/2020 đến tháng 2/2023 với số tiền 387.500.000 đồng.

- Biên nhận vay tiền ngày 01/9/2020, vay 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng bị đơn đã trả lãi từ tháng 9/2020 đến tháng 2/2023 với số tiền 116.000.000 đồng.

- Biên nhận vay tiền ngày 07/01/2021, vay 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng bị đơn đã trả lãi từ tháng 01/2021 đến tháng 2/2023 với số tiền 52.000.000 đồng.

- Biên nhận vay tiền ngày 24/5/2022, vay 400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, bị đơn đã trả lãi từ tháng 05/2021 đến tháng 2/2023 với số tiền 96.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi bị đơn đã trả cho ông M là 651.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi vượt quá quy định là 271.360.000 đồng.

Tại biên bản đối chất ngày 31/10/2023 các bên thừa nhận có thỏa thuận lãi suất vay, đồng thời cả 04 biên nhận mượn tiền khác ngày và kéo dài từ đầu năm 2020 đến năm 2022 nên ông M trình bày bị đơn không thanh toán tiền lãi sau khi ký tên các giấy xác nhận nợ là không hợp lý vì nếu bị đơn không thanh toán ông M sẽ không tiếp tục cho bị đơn vay các khoản tiền lớn sau đó. Lời trình bày của ông M nhằm che dấu việc tính lãi cao vượt quá quy định pháp luật.

Nay bị đơn yêu cầu được trả dần số tiền nợ gốc sau khi cấn trừ số tiền lãi vượt quy định, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng vào ngày 01 cho đến khi xong nợ và không đồng ý trả lãi do hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2023/DS–ST ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng M với ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Hoàng M tổng số tiền là 1.345.680.000 đồng, trong đó vốn gốc là 1.100.000.000 đồng, tiền lãi là 245.680.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/12/2023, bị đơn ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị T kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo văn bản trình bày ý kiến đề ngày 18/3/2024, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: kháng cáo của bị đơn không có chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị đơn ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị T thừa nhận ông bà còn nợ ông Đặng Hoàng M số tiền vốn vay 1.100.000.000 đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn liên đới trả số tiền vay 1.100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2] Bị đơn trình bày ông bà vay tiền của nguyên đơn với các mức lãi suất là 2,5%/tháng, 3%/tháng, 4%/tháng và đã trả lãi cho nguyên đơn từ khi vay đến tháng 2/2023 với tổng số tiền 651.500.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh; nguyên đơn thừa nhận hai bên có thoả thuận lãi suất như bị đơn trình bày nhưng cho rằng từ khi vay tiền đến nay bị đơn chưa trả khoản tiền nào cho nguyên đơn. Như vậy, xác định các khoản vay giữa bị đơn và nguyên đơn là hợp đồng vay tiền có lãi theo quy định tại các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, tuy nhiên, không có căn cứ xác định bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi 651.500.000 đồng để trừ vào tiền vay bị đơn còn nợ như kháng cáo của bị đơn.

[3] Sau khi hai bên xác lập các giao dịch vay tiền ngày 28/7/2020, ngày 01/9/2020 (âm lịch), ngày 07/01/2021 (âm lịch), ngày 24/5/2022 (âm lịch), bị đơn không trả tiền lãi cho nguyên đơn theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ thời điểm bị đơn phải trả nợ gốc của từng giao dịch là có cơ sở chấp nhận.

Đồng thời, giữa các bên không có thỏa thuận về việc trả dần và nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bị đơn nên không có cơ sở cho bị đơn được trả dần số tiền còn nợ.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tổng số tiền nợ gốc và lãi 1.345.680.000 đồng là phù hợp, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận nên ông L, bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm: 141/2023/DS–ST ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Hoàng M đối với bị đơn ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Hoàng M tổng số tiền 1.345.680.000 đồng (một tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng), gồm vốn vay 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) và tiền lãi 245.680.000 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu 52.370.400 đồng (năm mươi hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng).

Hoàn trả cho ông Đặng Hoàng M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.413.450 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm mười ba nghìn bốn trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0007485 ngày 11/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0000717, 0000719 cùng ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi Cục THADS huyện Bình Đại;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Dũng**